

ROUND 2 SC HACKFEST 2022 SHINETEAM

Ngô Trọng Gia Đào Ngọc Thùy Linh Lương Nguyễn Thảo Linh

NỘI DUNG CHÍNH

PHÂN TÍCH ĐỀ

HƯỚNG GIẢI QUYẾT

KÉT QUẢ MONG MUỐN

DÁNH GIÁ







ITEM	JAN_2023	FEB_2023	MAR_2023	APR_2023	MAY_2023	JUN_2023
THỨC_ĂN_ CHO_HEO	18	22	30	25	24	27
THỨC_ĂN_ CHO_CÁ	16	21	22	23	23	26

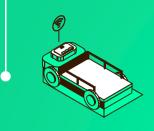
BẢNG 1: Dự đoán nhu cầu cho thức ăn cho heo và thức ăn cho cá 6 tháng đầu năm 2023 (đơn vị: tấn)



THÀNH PHẨM	NGUYÊN LIỆU	SỐ LƯỢNG NGUYÊN LIỆU (TRÊN 1 TẤN THÀNH PHẨM)	ĐƠN VỊ CỦA NGUYÊN LIỆU				
THỨC_ĂN_CHO_HEO	NGÔ	400	kg				
THỨC_ĂN_CHO_HEO	KHOAI	200	kg				
THỨC_ĂN_CHO_HEO	SÅN	200	kg				
THỨC_ĂN_CHO_HEO	XƯƠNG_ĐỘNG_VẬT	200	kg				
THỨC_ĂN_CHO_HEO	MEN_VI_SINH	10	lít				
THỨC_ĂN_CHO_HEO	BAO_BÌ_ĐÓNG_GÓI	40	cái				
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	NGÔ	500	kg				
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	BỘT_ĐỖ_TƯƠNG	300	kg				
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	THÓC	100	kg				
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	XƯƠNG_ĐỘNG_VẬT	100	kg				
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	MEN_VI_SINH	10	lít				
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	BAO_BÌ_ĐÓNG_GÓI	40	cái				
PÁNC 2: Thông tịp nguyên liệu (POM) của thức ặp cho học và thức ặp cho cá							

BẢNG 2: Thông tin nguyên liệu (BOM) của thức ăn cho heo và thức ăn cho cá





TỔN KHO CUỐI NGÀY 31/12/2022	ĐƠN VỊ	HẠN SỬ DỤNG
10000	kg	12-Feb-2023
3000	kg	27-Feb-2023
2000	kg	26-Jan-2023
9000	kg	20-Feb-2023
200	lít	25-Jan-2023
12000	kg	2-Feb-2023
13000	kg	3-Mar-2023
1220	cái	
7000	kg	27-Jan-2023
8000	kg	30-Jan-2023
	31/12/2022 10000 3000 2000 9000 200 12000 13000 1220 7000	31/12/2022 ĐƠN VỊ 10000 kg 3000 kg 2000 kg 9000 kg 200 lít 12000 kg 13000 kg 1220 cái 7000 kg

BẢNG 3: Thông tin nguyên liệu trong kho (Stock on hand) vào cuối tháng 12



NGUYÊN LIỆU	MÃ ĐƠN ĐẶT HÀNG	NGÀY VỀ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN VỊ	HẠN SỬ DỤNG
KHOAI	#PO12	3-Jan-2023	1800	kg	13-Apr-2023
NGÔ	#PO13	5-Jan-2023	1000	kg	15-Apr-2023
SÅN	#PO14	12-Jan-2023	1000	kg	22-Apr-2023

BẢNG 4: Thông tin nguyên liệu đang trên đường về (Ongoing supply)





oa a.						
ITEM	LOẠI	NHÀ CUNG CẤP	LEADTIME ĐẶT HÀNG (NGÀY)	MOQ	Đơn vị	SHELF LIFE ĐƯỢC ƯỚC TÍNH KỂ TỪ NGÀY NHẬP KHO (NGÀY)
KHOAI	Nguyên liệu	CÔNG TY TNHH NARGI	7	1000	kg	100
SÅN	Nguyên liệu	CÔNG TY TNHH NARGI	7	1000	kg	100
NGÔ	Nguyên liệu	CÔNG TY TNHH NARGI	7	3000	kg	100
BỘT_ĐỖ_TƯƠNG	Nguyên liệu	CÔNG TY TNHH NARGI	7	1000	kg	100
THÓC	Nguyên liệu	CÔNG TY TNHH NARGI	7	1000	kg	100
XƯƠNG_ĐỘNG_VẬT	Nguyên liệu	CÔNG TY CP YFOOD	7	1000	kg	30
MEN_VI_SINH	Nguyên liệu	CÔNG TY VNIBIO	2	100	lít	30
BAO_BÌ_ĐÓNG_GÓI	Nguyên liệu	CÔNG TY TNHH WOPACK	7	500	cái	

BẢNG 5: Thông tin bổ sung về nguyên liệu

sku	LOẠI	LEADTIME SẢN XUẤT (NGÀY)	SHELF LIFE KË TỪ NGÀY SẢN XUẤT (NGÀY)
THỨC_ĂN_CHO_HEO	Thành phẩm	0	60
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	Thành phẩm	0	60

BÅNG 6: Thông tin bổ sung về thành phẩm



Inventory turnover = 30 ngày





Note!

- Hạn sử dụng
- MOQ
- Inventory turnover

1 EXAMPLE 1 EXECUTE EXECUTE

Số lượng hàng thiếu?



Số lượng hàng cần đặt hàng

- Nguyên liệu nào?
- Ngày nào?
- Từ nhà sản xuất nào?

Giảm thiểu chi phí tồn kho

Giảm thiểu tối đa số lượng hàng hủy



03

HƯỚNG GIẢI QUYẾT

Ngày giao hàng đề xuất 3 thời điểm hằng tháng

Giả thiết (Assumption)



Ngày 15



ITEM	TÖN KHO CUỐI NGÀY 31/12/2022	ĐƠN VỊ	HẠN SỬ DỤNG
KHOAI	10000	kg	12-Feb-2023
SẮN	3000	kg	27-Feb-2023
XƯƠNG_ĐỘNG_VẬT	2000	kg	26-Jan-2023
BỘT_ĐỖ_TƯƠNG	9000	kg	20-Feb-2023
MEN_VI_SINH	200	lít	25-Jan-2023
NGÔ	12000	kg	2-Feb-2023
THÓC	13000	kg	3-Mar-2023
BAO_BÌ_ĐÓNG_GÓI	1220	cái	
THỨC_ĂN_CHO_HEO	7000	kg	27-Jan-2023
THỨC_ĂN_CHO_CÁ	8000	kg	30-Jan-2023

BẢNG 3: Thông tin nguyên liệu trong kho (Stock on hand) vào cuối tháng 12

03

HƯỚNG GIẢI QUYẾT

Ngày giao hàng: **ngày 15** hằng tháng



- Giảm thiểu số lượng hàng hủy
- Phù hợp với thực tế các doanh nghiệp

Giả thiết (Assumption)

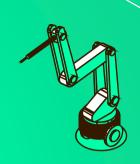
Số lượng hàng đặt theo:

- Minimum OrderQuantity (MOQ)
- Lot-for Lot (L4L)



- Giảm thiểu chi phí cho tồn kho
- Có thời gian đặt hàng

HƯỚNG GIẢI QUYẾT Quy trình của code

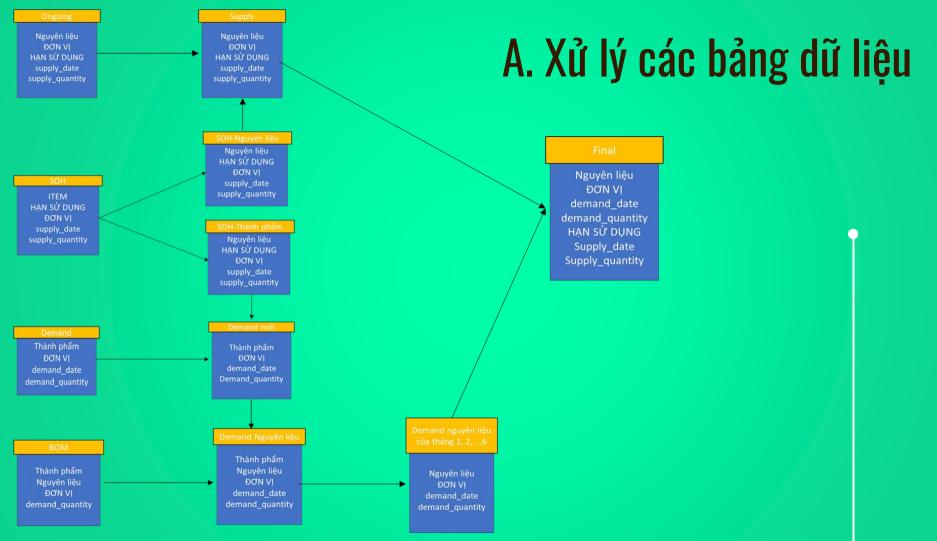


PHASE 1 Xử lý các bảng dữ liệu

Xác định số lượng tồn kho và số lượng thiếu PHASE 2

PHASE 3

Order



B. Xác định số lượng tồn kho và số lượng thiếu

Tạo ra 4 hàm:

- tonkho(): tồn kho cho tháng 1
- hangthieu(): hàng thiếu cho tháng 1
- tonkho1(): tôn kho cho các tháng còn lại
- hangthieu1(): hàng thiếu cho các tháng còn lại

Công thức

- Tồn kho (t) = supply demand (t) overdate (t) (Supply \geq Demand)
- Thiếu (t) = Demand(t) supply(Supply < Demand)

Trong đó:

- Tháng 1: Supply (1) = Tồn kho cuối năm 2022 + ongoing
- Các tháng còn lại: Supply (t) = Tồn kho (t-1)

Stock

Nguyên liệu Supply_date HẠN SỬ DỤNG Stock

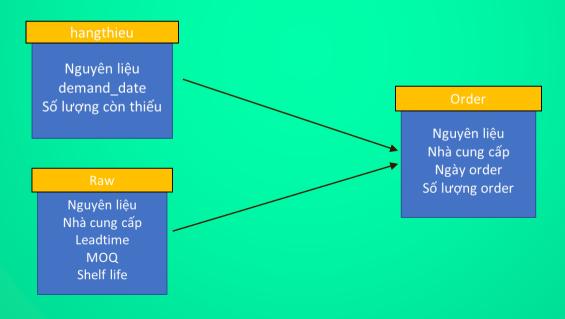
hangthie

Nguyên liệu demand_date Số lượng còn thiếu

C. Order

Công thức

- Số lượng order = MOQ nếu SL thiếu < MOQ
- Số lượng order = SL thiếu nếu SL thiếu > MOQ
- Ngày order = Demand date lead time



Kết quả

NGUYÊN LIỆU	NHÀ CUNG CẤP	2023-01-08 00:00:00	2023-02-08 00:00:00	2023-02-13 00:00:00	2023-03-08 00:00:00	2023-03-13 00:00:00
BAO_BÌ_ĐÓNG_GÓI	CÔNG TY TNHH WOPACK	0	1260	0	2080	
BỘT_ĐỖ_TƯƠNG	CÔNG TY TNHH NARGI	0	0	0	6600	
KHOAI	CÔNG TY TNHH NARGI	0	2600	0	6000	
MEN_VI_SINH	CÔNG TY VNIBIO	0	0	430	0	520
NGÔ	CÔNG TY TNHH NARGI	0	18300	0	23000	
SẮN	CÔNG TY TNHH NARGI	0	2600	0	6000	
THÓC	CÔNG TY TNHH NARGI	0	0	0	2200	
XƯƠNG ĐÔNG VẬT	CÔNG TY CP YFOOD	1000	6500	_0	8200	

2023-04-08 00:00:00	2023-04-13 00:00:00	2023-05-08 00:00:00	2023-05-13 00:00:00	2023-06-08 00:00:00	2023-06-13 00:00:00
1920	0	1880	0	2120	0
6900	0	6900	0	7800	0
5000	0	4800	0	5400	0
0	480	0	470	0	530
21500	0	21100	0	23800	0
5000	0	4800	0	5400	0
2300	0	2300	0	2600	0
7300	0	7100	0	8000	0

04

Đánh giá

O Uu điểm :

- Lot sizing: kết hợp MOQ và L4L để giảm chi phí tồn kho
- Code vẫn phù hợp dù thêm thành phẩm khác
- Demand date cổ định phản ánh sự quy chuẩn hóa và cam kết với khách hàng
 - Xét đến shelf life
 - Giảm thiểu số nguyên liệu bị hủy bằng cách chuyển đổi sang thành phẩm

Nhược điểm 02

U3 Điểm có th cải tiến Chỉnh sửa / bổ sung code nếu:

- SOH (thành phẩm) > Demand và HSD vẫn còn cho đến tháng sau
- SL Order < MOQ



